TỈNH ỦY CAO BẰNG
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 08 tháng 9 năm 2020

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị - hành chính khóa 70

Môn: Phần I.1. Những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin

Ngày thi: 16/8/2020

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
1	Nguyễn Lệnh An	7,50	Bảy phẩy năm	41	Đặng Giang Nam	7,50	Bảy phẩy năm
2	Lục Văn An	6,00	Sáu	42	Trần Thị Thúy Nga	7,75	Bảy phẩy bảy năm
3	Vũ Thị Vân Anh	7,00	Bảy	43	Đoàn Thúy Nga	8,00	Tám
4	Vũ Thị Tú Anh	7,25	Bảy phẩy hai năm	44	La Thị Ngà	8,00	Tám
5	Triệu Thị Lan Anh	6,25	Sáu phẩy hai năm	45	Nông Đình Ngàn	7,75	Bảy phẩy bảy năm
6	Phạm Tuấn Anh	7,00	Bảy	46	Đào Thị Kim Ngân	8,00	Tám
7	Nông Thị Bé	6,75	Sáu phẩy bảy năm	47	Lý Đức Nghiêm	6,75	Sáu phẩy bảy năm
8	Nông Ngọc Chấn	7,75	Bảy phẩy bảy năm	48	Vũ Thị Quỳnh Như		**Bảo lưu**
9	Đỗ Hữu Chiêm	6,75	Sáu phẩy bảy năm	49	Trương Văn Nhường	7,00	Bảy
10	Mai Kiên Chinh	6,75	Sáu phẩy bảy năm	50	Nông Thị Phượng	6,75	Sáu phẩy bảy năm
11	Tô Thị Cương	8,00	Tám	51	Phạm Quý Quân	6,75	Sáu phẩy bảy năm
12	Vi Thị Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	52	Thạch Ngọc Sơn	6,50	Sáu phẩy năm
13	Nông Tiến Dũng	7,50	Bảy phẩy năm	53	Trần Thanh Tâm	8,25	Tám phẩy hai năm
14	Nông Quang Duy	7,25	Bảy phẩy hai năm	54	Lâm Duy Tàng	8,00	Tám
15	Nông Trường Giang	7,50	Bảy phẩy năm	55	Hoàng Bùi Danh Thái	6,75	Sáu phẩy bảy năm
16	Đàm Văn Giong	7,25	Bảy phẩy hai năm	56	Nông Thị Thanh	8,25	Tám phẩy hai năm
17	Lý Thanh Hải	8,00	Tám	57	Nguyễn Thị Phương Thảo	7,50	Bảy phẩy năm
18	Nguyễn Thị Hanh	8,25	Tám phẩy hai năm	58	Nông Thị Thảo	6,50	Sáu phẩy năm
19	Nguyễn Thu Hiền	7,00	Bảy	59	Nguyễn Thị Thảo	7,75	Bảy phẩy bảy năm
20	Ma Kim Hiệp	7,00	Bảy	60	Lộc Văn Thế	7,50	Bảy phẩy năm
21	Triệu Trung Hiếu	7,25	Bảy phẩy hai năm	61	Linh Thị Thơm	7,50	Bảy phẩy năm
22	Đàm Thị Hiếu	6,75	Sáu phẩy bảy năm	62	Đàm Văn Thông	6,25	Sáu phẩy hai năm
23	Triệu Thị Hoa	8,25	Tám phẩy hai năm	63	Đàm Thị Thu	8,50	Tám phẩy năm
24	Nông Văn Hoạch	6,75	Sáu phẩy bảy năm	64	Bế Văn Thụ	6,25	Sáu phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	*Bằng chữ*			*Số*	*Bằng chữ*
25	Mông Minh Hoàng	6,75	Sáu phẩy bảy năm	65	Hoàng Quang Thụ	7,25	Bảy phẩy hai năm
26	Nguyễn Mạnh Hùng	7,00	Bảy	66	Lưu Thái Thuận	7,50	Bảy phẩy năm
27	Chu Hoài Hương	8,00	Tám	67	Thẩm Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
28	Hoàng Thị Lan Hương	7,00	Bảy	68	Hoàng Văn Thụy	6,50	Sáu phẩy năm
29	Hoàng Trọng Hữu	7,50	Bảy phẩy năm	69	Nông Văn Tín	6,25	Sáu phẩy hai năm
30	Nông Thanh Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	70	Nông Quốc Toản	7,75	Bảy phẩy bảy năm
31	Nguyễn Nam Khánh	7,25	Bảy phẩy hai năm	71	Ngô Mạnh Trường	8,00	Tám
32	Nguyễn Thị Dương Liễu	8,00	Tám	72	Hà Huy Tuấn	7,25	Bảy phẩy hai năm
33	Nông Văn Linh	6,00	Sáu	73	Lương Kim Tuyến	7,25	Bảy phẩy hai năm
34	Bế Thị Thùy Linh	8,00	Tám	74	Nông Thị Tố Uyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
35	Chu Văn Luân	6,00	Sáu	75	Nông Thị Vân	7,00	Bảy
36	Ma Ngọc Luân	8,00	Tám	76	Phạm Ngọc Vân	7,50	Bảy phẩy năm
37	Lý Thị Lương	7,00	Bảy	77	Ngôn Ngọc Viên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
38	Triệu Văn Lượng	8,50	Tám phẩy năm	78	Lê Quốc Vinh	7,25	Bảy phẩy hai năm
39	Nông Thị Lý	7,25	Bảy phẩy hai năm	79	Nguyễn Thế Vinh	8,00	Tám
40	Lê Quỳnh Mai	8,00	Tám	80	Hoàng Văn Vững	7,50	Bảy phẩy năm

Điểm 6,00: 03 điểm; Điểm 6,25: 04 điểm; Điểm 6,50: 03 điểm; Điểm 6,75: 12 điểm;
Điểm 7,00: 09 điểm; Điểm 7,25: 10 điểm; Điểm 7,50: 13 điểm; Điểm 7,75: 05 điểm;
Điểm 8,00: 13 điểm; Điểm 8,25: 05 điểm; Điểm 8,50: 02 điểm./.

GHI ĐIỂM

Lê Thị Thư

HIỆU TRƯỞNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ HOÀNG ĐÌNH GIONG
TỈNH ỦY CAO BẰNG

Trịnh Thị Ánh Hoa